

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2018/HNGĐ-ST

Ngày 07 - 6 - 2018

“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Huyền Trân

Các Hội thẩm: Ông Nguyễn Hoàng Kha

Ông Võ Thanh Liêm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Linh – Thư ký Toà án nhân dân thành phốM.

Trong ngày 07 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 353/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018 về việc “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 339/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị Thu N, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: Số 5/526A, hẻm 221, LThK, khóm B, phường S, thành phố M, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Anh Lê Hoàng N, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Trú tại: Số 267/36, LTK, khóm S, phường S, thành phố M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Chị Võ Thị Thu N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh N tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2013. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, thành phố M. Thời gian đầu chung sống vợ chồng hạnh phúc, đến ngày 20 tháng 7 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh N đã dọn ra ngoài ở và ly thân cho đến nay. Xét thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Không có.

Về Tài sản chung: Không có.

Về Nợ chung: Không có.

- Tại bản tự khai ngày 23 tháng 5 năm 2018 anh Lê Hoàng N trình bày:

Anh và chị Võ Thị Thu N chung sống với nhau vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, thành phố M. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống nên đã ly thân được 06 tháng. Nay chị N xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Không có.
Về Tài sản chung: Không có.
Về Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố M.

[2] Về hôn nhân: Chị N và anh N tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, thành phố M nên quan hệ hôn nhân của anh chị được pháp luật bảo vệ.

Qua trình bày của các đương sự thấy rằng giữa chị N, anh N thời gian đầu chung sống có hạnh phúc nhưng đến khoảng tháng 7 năm 2017 thì vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và đã ly thân từ đó đến nay, tại phiên tòa chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh N và tại bản tự khai ngày 23 tháng 5 năm 2018 anh N cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N. Do đó có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh N đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu của chị N về việc được ly hôn với anh N.

[3] Về con chung: Không có, không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không xem xét.

[6] Án phí hôn nhân gia đình, chị N phải nộp theo quy định.

[7] Về thủ tục tố tụng: Tại bản tự khai ngày 23 tháng 5 năm 2018 anh N yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt đối với anh N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh Lê Hoàng N.

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Thu N.

- *Về hôn nhân:* Chị Võ Thị Thu N được ly hôn với anh Lê Hoàng N.

- *Về con chung:* Không có, không xem xét.

- *Tài sản chung:* Không xem xét.

- *Về nợ chung:* Không xem xét.

Án phí về hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Võ Thị Thu N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Ngày 16 tháng 4 năm 2018 chị N đã dự nộp 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố M theo biên lai thu tiền số 0000660 nên được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm, chị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh N vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

“Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tp.M;
- Chi cục THADS tp.M;
- UBND phường S, TPM;
- Các đương sự;
- HSVA;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Trần Huyền Trân

